

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/DS-ST
Ngày 21 - 11 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Danh.

Ông Bạch Đình Ca.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 83/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2018/QĐXXST- DS ngày 31 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng Ph, sinh năm 1974 và bà Đỗ Thị Kim P, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Có mặt).

- Bị đơn: Bà Giang Thị Hồng Tr (tên gọi khác: Giang Hồng Tr), sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn Th, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 8 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Hoàng Ph và bà Đỗ Thị Kim P trình bày:

Do có quen biết với nhau nên trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 5 năm 2017 bà Giang Thị Hồng Tr nhiều lần đến đại lý bán thức ăn gia súc của vợ chồng ông Ph bà P mua cám về bán lại kiếm lời. Đến ngày 12/5/2018 hai bên chốt lại số lượng cám đã mua bán với nhau là 130 bao, nhãn hiệu SOFEED, loại bao 25kg/bao quy thành tiền là 37.550.000 đồng. Sau đó, bà Tr đã trả trước cho ông Ph và bà P 7.000.000 đồng, số tiền còn lại 30.550.000 đồng bà Tr hứa một tháng sau sẽ trả hết cho ông Ph và bà P, hai bên có làm Phiếu bán hàng ngày 12/5/2018 và chốt lại số hàng, số tiền và thời hạn trả nợ như trên. Nhưng khi đến hạn trả bà Tr không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết mặc dù ông Ph và bà P rất nhiều lần đi đòi nợ, đến nay bà Tr đã không còn tiếp tục mua cám của vợ chồng ông Ph bà P nữa. Vì vậy, ông Ph và bà P khởi kiện yêu cầu bà Giang Thị Hồng Tr phải trả cho ông bà số tiền mua cám nợ còn lại là 30.550.000 đồng và không yêu cầu tiền lãi phát sinh.

Tại bản tự khai ngày 18/10/2018 bị đơn là bà Giang Thị Hồng Tr trình bày: Bà Tr thừa nhận có mua cám của vợ chồng ông Ph bà P với số lượng cám và số tiền như ông Ph và bà P đã trình bày, bà Tr xác nhận chữ ký, chữ viết trong Phiếu bán hàng ngày 12/5/2018 do ông Ph bà P xuất trình cho Tòa án là chữ ký, chữ viết của mình và hiện nay bà Tr đang còn nợ của vợ chồng ông Ph bà P số tiền 30.550.000 đồng nhưng do điều kiện kinh tế gia đình bà Tr đang gặp khó khăn nên bà Tr không trả được nợ cho ông Ph bà P khi đến hạn. Nay vợ chồng ông Ph bà P khởi kiện yêu cầu bà Tr phải trả số tiền trên thì bà Tr xin hứa sẽ trả hết nợ cho vợ chồng ông Ph bà P vào ngày 30 tháng 3 năm 2019, nếu ông Ph và bà P không đồng ý thì bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do bận làm ăn và buôn bán nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần thông báo hợp lệ về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Tr đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án và phải đưa ra xét xử theo quy định.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 xét xử vắng bị đơn và chấp yêu cầu của nguyên đơn và buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 30.550.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: Phiếu bán hàng ngày 12 tháng 5 năm 2018 do nguyên đơn cung cấp; Bản tự khai của nguyên đơn và bị đơn do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền: Ông Nguyễn Hoàng Ph và bà Đỗ Thị Kim P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Giang Thị Hồng Tr phải trả số tiền

30.550.000 đồng mà bà Tr mua cám còn nợ của ông Ph bà P, đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thôn Th, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Bà Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào Phiếu bán hàng ngày 12/5/2018 do ông Ph và bà P cung cấp thể hiện bà Tr có mua của vợ chồng ông Ph bà P 130 bao cám nhãn hiệu SOFEED, có trọng lượng 25kg/bao với số tiền phải thanh toán là 37.550.000 đồng. Bà Tr đã thanh toán trước cho vợ chồng ông Ph bà P được 7.000.000 đồng, còn lại 30.550.000 đồng bà Tr hẹn sau 01 tháng sẽ trả, phần bên dưới mục người mua hàng có chữ ký, chữ viết của bà Tr. Tại bản tự khai ngày 18/10/2018 bà Tr cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết trong Phiếu bán hàng do ông Ph và bà P cung cấp là chữ ký, chữ viết của mình, đồng thời bà Tr cũng xác nhận còn nợ ông Ph bà P số tiền 30.550.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 90 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án kết luận bà Tr còn nợ vợ chồng ông Ph bà P số tiền 30.550.000 đồng. Theo thỏa thuận giữa bà Tr với vợ chồng ông Ph bà P thì bà Tr cam kết sau 01 tháng (tức vào ngày 12/6/2018) bà Tr phải thanh toán hết số tiền nêu trên cho vợ chồng ông Ph bà P. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ bà Tr không thực hiện đúng nghĩa vụ như đã thỏa thuận với vợ chồng ông Ph bà P là vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự quy định: *“Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”*. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Ph bà P là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3] Về tiền lãi chậm trả do ông Ph bà P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Ph và bà P được Tòa án chấp nhận nên bà Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, với mức $30.550.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.527.500 \text{ đồng}$ (làm tròn 1.528.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng: Các Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hoàng Ph và bà Đỗ Thị Kim P buộc bà Giang Thị Hồng Tr có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hoàng Ph và bà Đỗ Thị Kim P số tiền 30.550.000đ (ba mươi triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí: Ông Nguyễn Hoàng Ph và bà Đỗ Thị Kim P không phải chịu án phí được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 764.000đ (bảy trăm, sáu mươi tư nghìn đồng) theo biên lai nộp tạm ứng án phí số AA/2017/ 0007192 ngày 27/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bà Giang Thị Hồng Tr phải nộp 1.528.000đ (một triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Quốc Định

